

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 25-03-2025

Về việc tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị
2. Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Phương D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T4. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

Ông Hồ Quan L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày: Vào ngày 10/11/2018 (AL) tức ngày 16/12/2018 (DL), ông T2 và vợ là bà Nguyễn Thị Thu T1 có tham gia dây hụi do bà H tổ chức. Hụi trị giá 5.000.000đ, 01 năm khui 03 lần (ngày 10/2, 10/7, 10/11 AL), hụi gồm 22 hụi viên, vợ chồng ông T tham gia 01 phần, trong phiếu hụi tên Út T3 số thứ tự là 18. Ông T2 đã đóng được 14 kỳ hụi sống số tiền 3.300.000đ x 14 thành tiền 46.200.000đ. Đến tháng 7/2023 do giữa ông T3 và chồng bà H mâu thuẫn nên bà H buộc ông T3 dừng tham gia. Hụi mãi vào ngày 10/11/2025 âm lịch. Ông Truyền thống N dừng chơi hụi như bà H yêu cầu nhưng ông yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền của 14 kỳ hụi ông đã đóng nhưng tính thành hụi chết là 14 x 5.000.000đ thành tiền 70.000.000đ. Ông T3 nhiều lần đòi nhưng bà H không trả. Ông T3 xác định trước năm 2003 ông T3 không nợ riêng bà H bất kỳ khoản nợ nào. Ông cũng xác định không có thỏa thuận cản trừ nợ gì với bà H như bà H trình bày cho Tòa án. Ông T3 xác định không ký tên vào bản pho to bà H cung cấp có nội dung “Hôm nay này 30/9/2023, Út T3 thiếu tiền cũ từ năm 2003 cho đến nay chị Sáu trừ lại phần hụi vụ. Từ đây trở về sau không còn dính nịu gì tiền nữa cả”. Việc thỏa thuận cản trừ tiền hụi giữa bà T1 với bà H thì ông không biết, ông cũng không tham gia. Nay ông T3 khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông T3 tổng số tiền nợ hụi là 70.000.000đ đồng thời yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0.83% tháng từ ngày 10/7/2024 đến ngày xét xử. Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà H thừa nhận có làm chủ dây hụi 5.000.000đ, vào ngày 10/11/2018 (AL) tức ngày 16/12/2018 (DL), 01 năm khui 03 lần (ngày 10/2, 10/7, 10/11 AL), hụi gồm 22 hụi viên, vợ chồng ông T3 tham gia 01 phần, trong phiếu hụi tên Út T3 số thứ tự là 18. Khi đang chơi hụi thì vào tháng 5/2023, ông T3 đánh chồng bà H nên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 7/2023 (AL), ông T3 có bỏ phiếu để hốt hụi nhưng bà H không cho hốt. Đồng thời bà H không cho chơi hụi tiếp do đã có mâu thuẫn. Tính từ ngày khui hụi đến tháng 7/2023 (AL), ông T3 đã đóng được 14 kỳ hụi sống mỗi kỳ 3.300.000đ tổng cộng số tiền là 46.200.000đ. Khi đang tham gia dây hụi 5.000.000đ ngày 10/11/2018 thì vợ chồng ông T3 còn chơi 02 dây hụi tháng 1.000.000đ, bà H đã giao đầy đủ hụi cho ông T3 bà T1. Khi giao hụi tháng giữa bà H và bà T1 đã thỏa thuận cản trừ toàn bộ số tiền trước năm 2003 mà ông T3 nợ riêng bà H vào số tiền 46.200.000đ mà bà H còn nợ ông T3 ở dây hụi vụ 5.000.000đ khui ngày 10/11/2018 (AL). Khi cản trừ nợ hụi thì bà H thỏa thuận với bà T1 vợ ông T3, do chỉ có bà T1 đến nhà bà H nhưng sau đó ông T3 cũng biết và ký tên vào bản pho to do bà H ghi nội dung “Hôm nay này 30/9/2023, Út T3 thiếu tiền cũ từ năm 2003 cho đến nay chị Sáu trừ lại phần hụi vụ. Từ đây trở về sau không còn dính nịu gì tiền nữa cả”. Do đó bà H xác định số tiền nợ hụi 46.200.000đ bà còn thiếu ông T3 đã cản trừ các khoản nợ trước năm 2003 nên bà H không còn thiếu tiền ông T3. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Quan L không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Ngày 05/8/2022, bà T1 tham gia hội do bà H làm chủ, hội 1.000.000đ, 33 hội viên, bà T1 tham gia 01 phần, đóng được 9 kỳ hội. Khi hội đang diễn ra nhưng do gia đình bà T1 và gia đình bà H có mâu thuẫn nên bà H không cho bà T1 tham gia nữa nên ngày 30/9/2023 và ngày 30/10/2023, bà H kêu bà T1 nhận 02 phần hội của 02 dây số tiền 19.600.000đ và 8.600.000đ. Khi nhận tiền hội bà T1 có ghi nội dung nhận của chị 6 (bà H) mười chín triệu sáu trăm và tôi đủ tám triệu sáu (tức tôi nhận đủ tám triệu sáu). Giấy này do bà T1 tự viết tự ký tên. Trong giấy có nội dung cản trở nợ thì bà T1 xác định không ghi, bà chỉ ghi và ký tên từ khúc “Nhận của chị 6 (bà H) mười chín triệu sáu trăm và tôi đủ tám triệu sáu (tức tôi nhận đủ tám triệu sáu)”. Khi ký cũng không có nội dung đó. Trước năm 2003 ông T3 có thiếu tiền bà H hay không thì bà T1 không biết do thời điểm đó bà T1 chưa kết hôn với ông T3. Bà T1 xác định không có việc cản trở nợ như bà H trình bày. Bởi lẽ vào năm 2019 vợ chồng bà có chơi hội của bà H nhưng khi hết hội bà H vẫn giao hội cho vợ chồng bà đầy đủ. Bà T1 xác định bà không yêu cầu giám định. Đây là khoản tiền mà bà và ông T3 tham gia, là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà xác định không đứng đơn khởi kiện mà để ông T3 khởi kiện, bà thống nhất với đơn kiện và lời trình bày của ông T3. Số tiền theo đơn kiện của ông T3 ông bà tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Trường hợp Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu độc lập nào trong vụ án.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào để xem xét tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 46.200.000đ và tiền lãi, không chấp nhận đối với số tiền 23.800.000đ và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ông Hồ Văn T khởi kiện bà Phạm Thị H về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Phạm Thị H cư trú tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[1.2]. Ông Hồ Quan L và bà Nguyễn Thị Thu T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T thấy rằng:

Ông T và bà H thống nhất: Vào ngày 10/11/2018 (AL) tức ngày 16/12/2018 (DL), Bà H có tổ chức 01 dây hụi 5.000.000đ, một năm khui 03 lần (ngày 10/2, 10/7, 10/11 AL), hụi gồm 22 hụi viên, vợ chồng ông T tham gia 01 phần. Khi đang chơi hụi thì vào tháng 5/2023, ông T đánh chồng bà H nên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 7/2023 (AL), ông T bỏ phiếu để hốt hụi nhưng bà H không cho hốt. Đồng thời bà H không cho chơi hụi tiếp do đã có mâu thuẫn. Tính từ ngày khui hụi đến tháng 7/2023 (AL), ông T đã đóng được 14 kỳ hụi sống mỗi kỳ 3.300.000đ tổng cộng số tiền là 46.200.000đ.

Tại phiên tòa bà H xác định còn nợ ông T 46.200.000đ tiền hụi như ông T trình bày nhưng bà đã khấu trừ số tiền nợ hụi này vào khoản nợ trước năm 2003 của ông T thể hiện theo giấy nhận tiền ngày 30/9/2023 và 30/10/2023 do bà T1 lập. Sau khi khấu trừ nợ thì ông T vẫn còn nợ bà H số tiền 9.600.000đ. Tuy nhiên lời trình bày của bà H là không phù hợp bởi lẽ cho dù có việc cản trừ nợ thì lý do vì sao bà H không trừ luôn hết khoản nợ 9.600.000đ vào phần hụi bà H giao cho bà T1 ngày 30/9/2023 và 30/10/2023 cho hết khoản nợ. Mặt khác tại giấy giao nhận tiền ngày 30/9/2023 và 30/10/2023 do bà T1 vợ của ông T viết và ký tên, bà H đã thừa nhận nội dung khấu trừ nợ do bà tự ghi vào giấy sau khi bà T1 viết và ký tên nên bà T1 không có trách nhiệm với phần ghi thêm này đồng thời số tiền ông T thiếu bà H là trước năm 2003 khi bà T1 chưa là vợ hợp pháp của ông T nhưng bà H khấu trừ nợ với bà T1 mà không có ý kiến của ông T là không đúng.

Nhận thấy các bên có việc thỏa thuận tham gia hụi, khi hụi chưa mãn, các bên xảy ra tranh chấp nên ngừng chơi hụi. Thực tế tới kỳ khui hụi ông T chỉ đóng hụi sống với tổng số tiền là 46.200.000đ mà không phải đóng số tiền hụi chết là 70.000.000đ nên chủ hụi bà H chỉ có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền vốn góp của ông T là phù hợp. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả

theo giá hụi chết số tiền là 70.000.000đ là chỉ có cơ sở chấp nhận một phần trên số tiền vốn góp là 46.200.000đ, không chấp nhận số tiền vượt quá là 70.000.000đ – 46.200.000đ = 23.800.000đ.

Về yêu cầu tiền lãi: Đây là hợp đồng góp hụi không thỏa thuận về lãi suất, sau khi ngừng chơi hụi bà H không giao trả tiền vốn góp cho ông T nên ông T yêu cầu phải trả lãi là phù hợp. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/7/2024 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Lãi được tính như sau: 46.200.000đ X 0.83% X 8 tháng 15 ngày = 3.259.000đồng

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền 23.800.000đ, cụ thể: 23.800.000đ X 0.83% X 8 tháng 15 ngày = 1.679.000đồng.

Ông T chỉ khởi kiện và yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả tiền nợ hụi mà không yêu cầu ông L phải liên đới cùng bà H trả nợ nên HĐXX không xem xét trách nhiệm liên đới là phù hợp.

[3]. Tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp nên được chấp nhận

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận một phần nên bà H phải chịu tiền án phí trên số tiền phải trả cho ông T nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn; ông T phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận nhưng được miễn án phí do là người khuyết tật theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 217, 219, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, phiếu, phường.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với bà Phạm Thị H về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồ Văn T tổng cộng 49.459.000 đồng bao gồm 46.200.000 đồng tiền hụi và tiền lãi là 3.259.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/3/2024) cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, bà Phạm Thị H phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với bà Phạm Thị H về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” đối với số tiền hụi là 23.800.000đ và tiền lãi là 1.679.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H và ông Hồ Văn T được miễn án phí.

4. Án này xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2024). Riêng đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương